

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KHTD NĂM 2026 CHO
CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU**

(Kèm theo Quyết định số 1560 /QĐ-NHCS ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc chi nhánh NHCSXH tỉnh Quảng Ngãi)

Đvt: triệu đồng

STT	TÊN PGD/TÊN XÃ, PHƯỜNG	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/GIẢM (-) NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG								ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/GIẢM (-) NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH ỦY THÁC	
		Cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		Cho vay Nhà ở xã hội (Thông thường)		Cho vay Học sinh, sinh viên học các ngành Stem		Cho vay Người chấp hành xong APT		Cho vay sau cai nghiện ma túy	
		Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	PGD Bình Sơn	-72,0	+913,6	+1.129,0	+21.611,3	-	+1.820,7	+500,0	+3.870,6	-	-
	Xã Bình Minh	-	+100,0	-110,0	+1.270,0	-	+277,0	-	+95,0	-	-
	Xã Bình Chương	-	-	-27,7	+643,0	-	+307,0	+100,0	+523,0	-	-
	Xã Bình Sơn	-	-	+1.851,7	+15.162,5	-	+1.036,7	+95,0	+1.544,0	-	-
	Xã Vạn Tường	-	+112,0	-585,0	+1.835,8	-	+100,0	-6,0	+327,0	-	-
	Xã Đông Sơn	-72,0	+701,6	-	+2.700,0	-	+100,0	+311,0	+1.381,6	-	-
2	PGD Sơn Tịnh	+100,0	+100,0	-391,0	+5.607,9	-	+1.591,8	-122,0	+723,0	-	-
	Xã Ba Gia	+67,0	+67,0	-39,0	+661,1	+493,0	+494,0	-2,0	+48,0	-	-
	Xã Sơn Tịnh	+33,0	+33,0	+284,0	+3.476,9	+522,0	+522,0	-10,0	+285,0	-	-
	Xã Thọ Phong	-	-	-500,0	-	+326,0	+326,0	-	-	-	-
	Xã Trường Giang	-	-	-136,0	+1.469,9	-1.341,0	+249,8	-110,0	+390,0	-	-
3	PGD Nghĩa Hành	-	-	+224,0	+8.878,1	+100,0	+100,0	+80,0	+1.166,0	-	-
	Xã Nghĩa Hành	-	-	+224,0	+6.502,6	+100,0	+100,0	-	+476,0	-	-
	Xã Phước Giang	-	-	-	+1.675,5	-	-	+80,0	+270,0	-	-
	Xã Thiện Tín	-	-	-	+700,0	-	-	-	+220,0	-	-
	Xã Đình Cường	-	-	-	-	-	-	-	+200,0	-	-
4	PGD Tư Nghĩa	-56,0	+229,1	-1.981,0	+21.687,0	-	+1.678,2	-183,0	+307,0	-	-
	Xã Nghĩa Giang	-	-	-	+2.800,0	-	+604,0	-70,0	+50,0	-	-
	Xã Trà Giang	-256,6	+28,5	-751,0	+930,2	-	+157,0	-70,0	-	-	-
	Xã Tư Nghĩa	-	-	-1.230,0	+14.258,4	-	+604,0	-13,0	+167,0	-	-
	Xã Vệ Giang	+200,6	+200,6	-	+3.698,3	-	+313,2	-30,0	+90,0	-	-
5	PGD Mộ Đức	-	-	+2.173,0	+14.946,5	-	+496,0	+200,0	+675,0	-200,0	100,0
	xã Long Phụng	-	-	-812,0	+148,0	-	+152,0	-	+100,0	-	100,0
	xã Lân Phong	-	-	+1.373,0	+5.005,0	-	-	+100,0	+200,0	-100,0	-
	xã Mỏ Cày	-	-	+844,0	+4.714,6	-	-	+100,0	+160,0	-	-
	xã Mộ Đức	-	-	+768,0	+5.078,9	-	+344,0	-	+215,0	-100,0	-
6	PGD Đức Phổ	+100,0	+300,0	-	+10.794,7	-	+1.831,4	+27,0	+1.130,0	100,0	100,0
	Phường Sa Huỳnh	+100,0	+235,0	-	+1.000,0	-	+423,4	-73,0	+100,0	-	-
	Phường Trà Câu	-	-	-	+2.450,0	-	+735,5	-	+180,0	-	-
	Phường Đức Phổ	-	-	-	+5.759,7	-	+472,5	+100,0	+460,0	100,0	100,0
	Xã Khánh Cường	-	+65,0	-	+785,0	-	+100,0	-	+390,0	-	-
	Xã Nguyễn Nghiêm	-	-	-	+800,0	-	+100,0	-	-	-	-
7	PGD Trà Bồng	+700,0	+1.179,4	+336,0	+3.876,0	-	+270,4	-50,0	+85,0	-	-
	Xã Cà Đam	-	+42,7	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xã Thanh Bồng	+90,0	+190,0	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xã Trà Bồng	+350,0	+686,7	+336,0	+3.176,0	-	+100,0	-50,0	+85,0	-	-
	Xã Tây Trà	+100,0	+100,0	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN PGD/TÊN XÃ, PHƯỜNG	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/GIẢM (-) NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG								ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/GIẢM (-) NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH ỦY THÁC	
		Cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		Cho vay Nhà ở xã hội (Thông thường)		Cho vay Học sinh, sinh viên học các ngành Stem		Cho vay Người chấp hành xong APT		Cho vay sau cai nghiện ma túy	
		Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh
	Xã Tây Trà Bồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xã Đông Trà Bồng	+160,0	+160,0	-	+700,0	-	+170,4	-	-	-	-
8	PGD Sơn Hà	-500,0	+3.424,4	-79,0	+3.595,2	+50,0	+345,0	-	+50,0	-	-
	Xã Sơn Hà	-200,0	+1.125,0	-79,0	+2.595,2	+50,0	+255,0	-	-	-	-
	Xã Sơn Hạ	-150,0	+677,0	-	+1.000,0	-	+90,0	-	+50,0	-	-
	Xã Sơn Kỳ	-120,0	+245,0	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xã Sơn Linh	-75,0	+562,0	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xã Sơn Thủy	+45,0	+815,4	-	-	-	-	-	-	-	-
9	PGD Ba Tư	-	+404,2	-	+1.420,0	-	+338,4	-	+100,0	-	-
	Xã Ba Đình	-	+148,6	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xã Ba Tô	-	+150,4	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xã Ba Tư	-	+32,6	-	+1.420,0	-	+338,4	-	+100,0	-	-
	Xã Ba Vinh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xã Ba Vì	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xã Ba Xa	-	+20,0	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xã Ba Động	-	+52,6	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xã Đặng Thuỳ Trâm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Hội sở tỉnh	-200,0	+846,0	-708,0	+19.740,2	-150,0	+6.313,3	-200,0	+656,4	-	-
	Phường Cẩm Thành	-	+150,0	-	+7.735,3	-	+1.617,0	-	+100,0	-	-
	Phường Nghĩa Lộ	-	+150,0	-	+8.628,9	-150,0	+1.756,0	-	+85,0	-	-
	P.Trường Quang Trọng	-	+196,0	-708,0	+892,0	-	+1.479,0	-200,0	+264,7	-	-
	xã An Phú	-200,0	+50,0	-	+1.600,0	-	+989,0	-	+136,7	-	-
	xã Tịnh Khê	-	+300,0	-	+884,0	-	+472,3	-	+70,0	-	-
11	PGD Lý Sơn	-	+22,0	-971,0	+5.628,6	-	+500,0	-100,0	-	-	-
	Đặc khu Lý Sơn	-	+22,0	-971,0	+5.628,6	-	+500,0	-100,0	-	-	-
12	PGD Minh Long	-	+100,0	-	+2.182,2	-	-	-	+200,0	-	-
	Xã Minh Long	-	+100,0	-	+1.662,2	-	-	-	-	-	-
	Xã Sơn Mai	-	-	-	+520,0	-	-	-	+200,0	-	-
13	PGD Sơn Tây	+500,0	+710,0	-	-	-	-	-	+250,0	-	-
	Xã Sơn Tây	-	+110,0	-	-	-	-	-	+100,0	-	-
	Xã Sơn Tây Hạ	-	-	-	-	-	-	-	+50,0	-	-
	Xã Sơn Tây Thượng	+500,0	+600,0	-	-	-	-	-	+100,0	-	-
14	PGD Kon Tum	-97,0	+521,9	+1.043,0	+66.297,6	-	+2.672,7	-	+1.848,0	-150,0	250,0
	Phường Kon Tum	-	-	+1.239,6	+36.945,2	-	+1.540,7	+15,0	+503,0	-150,0	-
	Phường Đắk Bla	-	-	+371,0	+8.674,0	-	+256,0	-115,0	+165,0	-	-
	Phường Đắk Cấm	-	-	+782,8	+17.720,4	-	+427,0	+100,0	+300,0	-	-
	Xã Ia Chim	-	+80,9	-539,0	+597,0	-	+100,0	-	+680,0	-	250,0
	Xã Ngọc Bay	-	-	-302,6	+1.889,4	-	+160,0	-	+100,0	-	-
	Xã Đắk Rơ Wa	-97,0	+441,0	-508,8	+471,6	-	+189,0	-	+100,0	-	-
15	PGD Sa Thầy	-	-	-396,0	+28.977,9	-	-	-	+1.380,0	-100,0	-
	Xã Mô Rai	-	-	-	+246,4	-	-	-	+200,0	-	-
	Xã Rờ Kơ	-	-	-	+78,0	-	-	-	-	-	-
	Xã Sa Bình	-	-	-	+1.347,6	-	-	-	+100,0	-100,0	-

STT	TÊN PGD/TÊN XÃ, PHƯỜNG	ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/GIẢM (-) NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG								ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+)/GIẢM (-) NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH ỦY THÁC	
		Cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		Cho vay Nhà ở xã hội (Thông thường)		Cho vay Học sinh, sinh viên học các ngành Stem		Cho vay Người chấp hành xong APT		Cho vay sau cai nghiện ma túy	
		Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng/giảm đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng/giảm đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh	Tăng/giảm m đợt này	Kế hoạch sau điều chỉnh
	Xã Sa Thầy	-	-	-396,0	+25.892,5	-	-	-	+800,0	-	-
	Xã Ya Ly	-	-	-	+1.413,4	-	-	-	+280,0	-	-
16	PGD Đăk Tô	-300,0	+398,5	-	+25.489,0	-	+117,9	-152,0	+1.518,0	100,0	300,0
	Xã Kon Đào	-	-	-	+2.100,0	-	-	-152,0	+148,0	-	-
	Xã Ngọc Tụ	-	-	-	+40,0	-	-	-	+200,0	-	-
	Xã Đăk Tô	-300,0	+398,5	-	+23.349,0	-	+117,9	-	+1.170,0	100,0	300,0
17	PGD Đăk Glei	-	+48,3	-	+14.992,0	-	+160,0	-	+1.078,0	-	-
	Xã Ngọc Linh	-	-	-	-	-	-	-	+100,0	-	-
	Xã Xốp	-	-	-	-	-	-	-	+90,0	-	-
	Xã Đăk Long	-	-	-	-	-	-	-	+200,0	-	-
	Xã Đăk Môn	-	+48,3	-	+352,0	-	-	-	+248,0	-	-
	Xã Đăk Plô	-	-	-	-	-	-	-	+140,0	-	-
	Xã Đăk Pék	-	+0,0	-	+14.640,0	-	+160,0	-	+300,0	-	-
18	PGD Kon Rẫy	-	+200,0	-735,0	+8.577,7	-	+396,6	-	+2.107,0	-	-
	Xã Kon Bراهيم	-	+100,0	-735,0	+6.649,2	-	+150,0	-	+1.117,0	-	-
	Xã Đăk Kôi	-	-	-	-	-	-	-	+380,0	-	-
	Xã Đăk Rve	-	+100,0	-	+1.928,6	-	+246,6	-	+610,0	-	-
19	PGD Đăk Hà	+100,0	+217,4	-222,0	+35.796,8	-	+424,5	-	+1.300,0	-150,0	50,0
	Xã Ngọc Réo	-	-	-	+1.590,0	-	-	-	+150,0	-	-
	Xã Đăk Hà	+100,0	+217,4	-222,0	+23.855,4	-	+355,1	-	+700,0	-50,0	50,0
	Xã Đăk Mar	-	-	-	+4.841,4	-	+69,4	-	+450,0	-100,0	-
	Xã Đăk Pxi	-	-	-	+1.000,0	-	-	-	-	-	-
	Xã Đăk Ui	-	-	-	+4.510,0	-	-0,0	-	-	-	-
20	PGD Ngọc Hồi	-200,0	+365,0	+70,0	+9.507,0	-	+268,5	-	+2.090,0	400,0	500,0
	Xã Bờ Y	-200,0	+315,0	+70,0	+9.407,0	-	+268,5	-	+1.300,0	400,0	500,0
	Xã Dục Nông	-	+50,0	-	+100,0	-	-	-	+490,0	-	-
	Xã Sa Loong	-	-	-	-	-	-	-	+300,0	-	-
21	PGD Ia H Draí	-75,0	+200,3	+513,0	+8.172,7	-	-	-	+920,0	-	200,0
	Xã Ia Tơí	-75,0	+200,3	+513,0	+8.172,7	-	-	+75,0	+600,0	-	200,0
	Xã Ia Đal	-	-	-	-	-	-	-75,0	+320,0	-	-
22	PGD Tu Mơ Rông	-50,0	+370,8	-	-	-	-	-	+990,0	-	-
	Xã Măng Ri	-	-	-	-	-	-	-	+450,0	-	-
	Xã Tu Mơ Rông	+70,8	+270,8	-	-	-	-	-	+100,0	-	-
	Xã Đăk Sao	-120,8	+0,0	-	-	-	-	-	+440,0	-	-
	Xã Đăk Tờ Kan	-0,0	+100,0	-	-	-	-	-	-	-	-
23	PGD Kon Plông	+50,0	+244,0	-5,0	+3.258,0	-	-	-	+2.149,0	-	-
	Xã Kon Plông	-	-	-	-	-	-	-150,0	+350,0	-	-
	Xã Măng Bút	-	-	-	-	-	-	-150,0	+936,0	-	-
	Xã Măng Đen	+50,0	+244,0	-5,0	+3.258,0	-	-	+300,0	+863,0	-	-
X	Tổng cộng	-	10.794,9	-	321.036,4	-	19.325,4	-	24.593,0	-	1.500,0